

Bản án số: 70/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 11 - 2019.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con
sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang.

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn B, sinh ngày 09/01/1978, chứng minh nhân dân số 013477xxx do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 04/10/2011.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 4 B, xã KN, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Xóm Đ, thôn KN, xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 18/02/1981, căn cước công dân số 001181021xxx do Cục cảnh sát cấp ngày 06/02/2018.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm 4 B, xã KN, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KN, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 21/11/2007. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà và sinh sống tại xóm 4 B, xã KN, Đ, Hà Nội và ăn ở riêng.

Theo anh B trình bày: Quá trình chung sống đến năm 2012, anh chị bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải giúp đỡ anh chị nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2018, do không khắc phục được mâu thuẫn nên anh chị sống ly thân, anh chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng và chỉ thỉnh thoảng về thăm và chu cấp cho con.

Anh xác định không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc với chị T, mâu thuẫn không thể khắc phục nên xin ly hôn.

Theo chị Nguyễn Thị T trình bày: Quá trình chung sống, anh chị vẫn bình thường cho đến năm 2011 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do anh B đi làm không về nhà ở cùng chị và các con mà đi thuê nhà ở riêng. Sau khi thuê nhà ở riêng anh B không còn quan tâm đến chị và các con. Chị xác định anh B có quan hệ ngoại tình nên không còn quan tâm đến chị và các con do vậy anh xin ly hôn chị đồng ý. Chị đồng ý ly hôn với anh B nhưng không đến Tòa án để giải quyết vì chị muốn anh B phải có trách nhiệm với các con.

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung là: Lương Diệu L, sinh ngày 04/8/2008; Lương Tiến N, sinh ngày 19/9/2012. Các con anh chị đều khỏe mạnh, bình thường và đang ở cùng chị T.

Anh Lương Văn B xác định: Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của anh chị và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu không được nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh đề nghị được nuôi dưỡng một con chung và nuôi cháu nào cũng được, nếu mỗi người nuôi một con thì anh cũng không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh đang làm công nhân xưởng gỗ thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/ 1 tháng.

Chị Nguyễn Thị T xác định: Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung của anh chị và anh B phải cấp dưỡng nuôi con cho chị, mức cấp dưỡng do anh B tự nguyện hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị đang phụ bếp tại khu công nghiệp QM, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ 1 tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng thống nhất xác định anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Lương Văn B vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày tại Tòa án. Anh đề nghị Tòa án nếu không cho anh nuôi cả hai con

chung của anh và chị T thì cho mỗi người nuôi một cháu vì chị T không thể một mình nuôi dưỡng cả hai cháu. Mặc dù anh chị ly thân nhưng hàng tháng anh vẫn phải mang tiền về chu cấp cho mẹ con chị để sinh sống.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật nhưng còn đề quá thời hạn chuẩn bị xét xử 12 ngày.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn B xin ly hôn chị Nguyễn Thị T. Anh Lương Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con: Anh B, chị T có 02 con chung là: Lương Diệu L, sinh ngày 04/8/2008; Lương Tiến N, sinh ngày 19/9/2012. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Diệu L; giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Tiến N và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh B, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị T: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KN, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 21/11/2007 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị cùng thống nhất xác định vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân và thời điểm mâu thuẫn, anh chị xác định có sự khác biệt nhưng đều thừa nhận là đã được gia đình hai bên hòa giải, địa phương giúp đỡ nhưng không thể khắc phục. Anh B xin ly, chị T đồng ý nhưng chị không đến Tòa án để giải quyết. Tòa án đã báo gọi chị T nhiều lần nhưng chị đều không đến Tòa án, cho thấy chị T cũng không còn tha thiết níu giữ cuộc hôn nhân này. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly

hôn của anh Lương Văn B với chị Nguyễn Thị T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là: Lương Diệu L, sinh ngày 04/8/2008; Lương Tiến N, sinh ngày 19/9/2012. Các cháu khỏe mạnh, bình thường và đang ở cùng chị T. Ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Chị T đề nghị khi chị trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung thì chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật hoặc sự tự nguyện của anh cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác. Anh B đề nghị nếu anh nuôi dưỡng cả hai con chung hoặc nếu chỉ được nuôi một trong hai con chung của anh chị thì anh đều không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Các cháu L và N đều thể hiện nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Tuy nhiên, xét về điều kiện nơi ở: Chị T và anh B đều đang đi thuê nhà ở, thu nhập của anh chị cũng tương đồng với nhau. Do vậy, để phù hợp điều kiện, hoàn cảnh của cả anh và chị nhằm đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng các con chung được ổn định thì nên giao cho anh và chị mỗi người nuôi một con chung và giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L, giao anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu N là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi anh chị đều nuôi một con chung và điều kiện thu nhập chênh lệch nhau không nhiều nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng có ý kiến xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, anh Lương Văn B là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn B về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị T. Anh Lương Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị T có hai con chung là: Lương Diệu L, sinh ngày 04/8/2008; Lương Tiến N, sinh ngày 19/9/2012. Ly hôn, giao cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Tiến N; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Diệu L và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Lương Văn B và chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, anh Lương Văn B phải chịu để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008568 ngày 05/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh Lương Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã KN, huyện Đ, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 122 ngày 21/11/2007);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị T Thanh